

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày 16 tháng 4 năm 2020

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Ông Đặng Hữu Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-KDTM, ngày 30 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-KDTM, ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh Q - Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Vinh T - Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp. Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T.

Địa chỉ Công ty: phường L, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành D - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1971. Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường L, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị C: Luật sư Lôi Văn Đ - Trưởng Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có mặt.

3.4. Ông Vương Ngọc A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp B, xã K, Tp. L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1968. Vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Phát Đ, sinh năm 1971. Vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989. Có mặt.

3.8. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Vinh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) có cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T (sau đây gọi là Công ty) vay tiền theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06/2016/HĐTD, ngày 20/4/2016; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ-06/2016/HĐTD, ngày 03/11/2016 cụ thể: Số tiền vay theo Hợp đồng 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; Lãi suất theo giấy nhận nợ từng lần; Mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình và sản xuất vật liệu xây dựng; Phương thức trả lãi hàng tháng; Phương thức trả gốc thực hiện trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên từng giấy nhận nợ; Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm 100% bằng tài sản.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, Công ty và bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành D thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp:

1/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 27A/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 01/4/2015.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 124,8m² và nhà ở gắn liền với đất có diện tích 268,08m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AĐ 481599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận T.01106bA do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 25/7/2006 (thay đổi ngày 18/12/2006), kèm Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 07/11/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028300331 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 18/01/2007.

2/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 27B/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 02/4/2015.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 16599m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BU 762309, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04334 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/7/2014 và quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005.

3/ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015 và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/4/2015. Tài sản thế chấp, gồm:

- Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 004564 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 18/5/2009, mang tên chủ xe Công ty TNHH TM&XD T.

- Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 001454 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/6/2010, mang tên chủ xe Công ty TNHH TM&XD T.

- Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 001056 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 16/4/2010, mang tên chủ xe Công ty TNHH TM&XD T.

- Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 003135, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 15/9/2008, mang tên chủ xe Công ty TNHH MTV TM và XD T.

- Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 003869, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2011, mang tên chủ xe Công ty TNHH MTV TM và XD T.

- Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 002749, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 05/7/2008, mang tên chủ xe Công ty TNHH MTV TM và XD T.

Quá trình xác lập Hợp đồng tín dụng Ngân hàng nhiều lần yêu cầu Công ty thanh toán, nhưng Công ty vẫn không có thiện chí trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 16/4/2020 Công ty còn nợ vốn 2.020.000.000 đồng, nợ lãi 639.146.132 đồng. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Công ty trả vốn và lãi tạm tính đến ngày 16/4/2020 là 2.659.146.132 đồng, yêu cầu Công ty tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 17/4/2020 đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 27A/HĐTC, ngày 30/3/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC, ngày 30/3/2015. Duy trì một phần tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC, ngày 30/3/2015. Theo đó, duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005, để đảm bảo thi hành án.

Riêng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 16599m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BU 762309, số vào sổ cấp giấy chứng

nhận CH04334 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/7/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC, ngày 30/3/2015, Ngân hàng không yêu cầu duy trì, vì đã giải chấp xong.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng tín dụng; Phụ lục hợp đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản; Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận; Tờ thỏa thuận giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T; Hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T; Giấy báo nợ quá hạn do ông Nguyễn Thành D ký nhận; Biên bản làm việc giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Thanh T; Biên bản kiểm tra sau khi cho vay giữa Ngân hàng với Công ty T và các Giấy nhận nợ do ông Nguyễn Thành D ký tên có đóng dấu xác nhận của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T đối với Ngân hàng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Công ty T là bị đơn, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty, ông D và bà T. Tại phiên tòa, Công ty T, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Bà Nguyễn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình tố tụng. Theo văn bản ngày 06/8/2018, bà C trình bày: Ngày 23/5/2017 ông Vương Ngọc A đến liên hệ với bà cho là cần bán 02 xe ben của Công ty thanh lý bán phế liệu vì xe hư không sử dụng được, ông A có đưa ra Giấy ủy quyền có đóng dấu đỏ của Công ty để chứng minh việc bán xe là công khai, do đó bà tin tưởng nên mua 2 xe với giá 80.000.000đ từ nguồn tiền vay thêm bên ngoài, khi mua bà không biết là xe đang thế chấp cho Ngân hàng. Sau khi mua khoảng 5 tháng, bà chở phế liệu đi Thành phố Hồ Chí Minh bán lại để lấy tiền trả nợ vay. Do không rõ quy định pháp luật nên khi mua xe bà không yêu cầu bên bán cho xem giấy tờ nguồn gốc 02 chiếc xe. Bà có giữ giấy tay thể hiện việc mua bán xe nhưng hiện nay đã thất lạc.

Ông Vương Ngọc A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Theo Tờ tường trình ngày 13/6/2018, ông A trình bày: Từ năm 2006 đến tháng 4/2017 ông làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng T với chức danh Phó Giám đốc. Ngày 22/5/2017 ông Nguyễn Thành D là Giám đốc Công ty ủy quyền cho ông bán một số tài sản của nhà máy gạch Tuynel tại huyện T theo Giấy ủy quyền ngày 22/5/2017 để trả tiền lương còn thiếu cho công nhân. Ngày 23/5/2017 ông bán 02 chiếc xe ben 6T và 3,45T, nhưng không nhớ tên người mua. Khi bán 2 chiếc xe trên ông không biết ông D đã thế chấp xe cho Ngân hàng. Do thời gian quá lâu nên ông không nhớ được người mua 02 chiếc xe đó có phải là bà C hay không. Ông chỉ nhớ được biển số xe 3,45 T là 67L - 9728.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Hiện nay bà cùng với ông Nguyễn Phát Đ, bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Thanh P sinh sống trên phần đất có diện tích 598,3m², tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, đây là tài sản mà ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T thế chấp cho Ngân hàng. Do gia đình bà không có chỗ ở nên ông D cho ở nhờ trên đất này như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện C thực hiện ngày 16/3/2018. Bà xác định gia đình bà không tranh chấp về tài sản mà gia đình bà đang ở nhờ trên tài sản thế chấp và cũng không tranh chấp gì trong vụ án này, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu duy trì tài sản thế chấp như Ngân hàng đã trình bày để đảm bảo thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ và ông Nguyễn Thanh P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình tố tụng, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tại phiên tòa, ông Đ, bà T và ông P tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Về hiện trạng tài sản thế chấp các đương sự có mặt thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân thành phố L và Tòa án huyện C thực hiện trong quá trình tố tụng.

* Luật sư Lôi Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử loại trừ trách nhiệm cho bà C, vì khi bán 02 chiếc xe của Công ty T ông A có mang giấy ủy quyền có mộc đỏ của ông Nguyễn Thành D là Giám đốc Công ty T ủy quyền cho ông A bán xe, khi mua xe của Công ty T bán phế liệu, bà C không biết xe đang thế chấp tại Ngân hàng, nên việc mua bán xe là ngay tình. Mặt khác, Ngân hàng cũng xác định không tranh chấp, không yêu cầu bà C có trách nhiệm gì trong vụ án này.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Văn bản tố tụng được thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

Ý kiến về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 317, 318, 320, 323, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 90 Luật các tổ chức tín dụng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn còn nợ là 2.020.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo quy định Hợp đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền vốn 980.000.000 đồng do Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện.
- Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty T để đảm bảo việc thi hành án và không tiếp tục duy trì phần tài sản đã giải chấp.
- Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T có địa chỉ tại phường L, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Vương Ngọc A, bà Nguyễn Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ và ông Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu được vắng mặt. Các đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ngân hàng cho Công ty vay tiền theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06/2016/HĐTD ngày 20/4/2016; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ-06/2016/HĐTD ngày 03/11/2016, số tiền vay 3.000.000.000đ; Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; Lãi suất theo giấy nhận nợ từng lần; Mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình và sản xuất vật liệu xây dựng; Phương thức trả lãi hàng tháng; Phương thức trả gốc thực hiện theo đúng thời hạn ghi trên giấy nhận nợ; Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm 100% bằng tài sản.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, Công ty, bà T và ông D thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp:

1/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 27A/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 01/4/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 124,8m² và nhà ở gắn liền với đất có diện tích 268,08m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AĐ 481599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận T.01106bA do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 25/7/2006 (thay đổi ngày 18/12/2006), kèm

Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 07/11/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028300331 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 18/01/2007.

2/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 27B/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 02/4/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 16599m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BU 762309, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04334 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/7/2014 và quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005.

3/ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015, Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/4/2015. Tài sản thế chấp, gồm: Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 004564 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 18/5/2009, mang tên chủ xe Công ty TNHH TM&XD T; Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 001454 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/6/2010, mang tên chủ xe Công ty TNHH TM&XD T; Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 001056 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 16/4/2010, mang tên chủ xe Công ty TNHH TM&XD T; Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 003135, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 15/9/2008, mang tên chủ xe Công ty TNHH MTV TM và XD T; Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 003869, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2011, mang tên chủ xe Công ty TNHH MTV TM và XD T; Bản chính Giấy đăng ký xe ô tô, số 002749, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 05/7/2008, mang tên chủ xe Công ty TNHH MTV TM và XD T.

Quá trình xác lập Hợp đồng tín dụng, Công ty không thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký, mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu Công ty thực hiện trả nợ, nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Tạm tính đến ngày 16/4/2020 Công ty còn nợ Ngân hàng vốn gốc 2.020.000.000đ; nợ lãi 639.146.132đ. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Công ty trả vốn và lãi tạm tính đến ngày 16/4/2020 là 2.659.146.132 đồng và yêu cầu Công ty tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 17/4/2020 đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 27A/HĐTC, ngày 30/3/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC, ngày 30/3/2015. Duy trì một phần tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC, ngày 30/3/2015. Theo đó, duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005, để đảm bảo thi hành án.

Riêng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 16599m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BU 762309, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04334 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/7/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC, ngày 30/3/2015, Ngân hàng không yêu cầu duy trì, vì đã giải chấp xong.

[3] Quá trình tố tụng, Công ty T, ông D, bà T, ông Đ, bà T và ông P vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty T, ông D, bà T, ông Đ, bà T và ông P.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà D xác định gia đình bà gồm ông Đ, bà T, ông P và bà đang ở nhờ trên nhà đất là quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005, là tài sản ông D, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng, nhưng gia đình bà không tranh chấp về tài sản gia đình bà đang ở nhờ trên tài sản thế chấp cho Ngân hàng và cũng không tranh chấp gì trong vụ án này, thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu duy trì tài sản thế chấp như đại diện Ngân hàng trình bày.

Ông A xác định ông được ông D ủy quyền bán 02 chiếc xe của Công ty T, nhưng ông không xác định được người mua 02 chiếc xe đã bán có phải bà C không, vì thời gian đã lâu.

Bà C xác định bà có mua 02 chiếc xe ben của Công ty T bán phế liệu do ông A liên hệ bán, khi mua bà không biết là xe đang thế chấp cho Ngân hàng, vì xe hư không sử dụng được. Sau khi mua khoảng 5 tháng, bà chở phế liệu đi Thành phố Hồ Chí Minh bán lại để lấy tiền trả nợ vay.

[4] Về hiện trạng tài sản thế chấp các đương sự có mặt thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân thành phố L và Tòa án huyện C thực hiện trong quá trình tố tụng.

[5] Qua lời trình bày của đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T là bị đơn, ông D, bà T, ông Đ, bà T và ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải là đương sự đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là Hợp đồng tín dụng; Phụ lục hợp đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản; Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh; Tờ thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông D và bà T; Hợp đồng ủy quyền; Giấy báo nợ quá hạn; Biên bản làm việc; Biên bản kiểm tra sau khi cho vay và các Giấy nhận nợ do ông Nguyễn Thành D ký tên, đóng dấu xác nhận là các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng khởi kiện Công

ty T yêu cầu Công ty T trả cho Ngân hàng vốn và lãi tạm tính đến thời điểm xét xử (ngày 16/4/2020) là 2.659.146.132 đồng và yêu cầu Công ty tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 17/4/2020 đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

[6] Theo Đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Công ty trả nợ gốc 3.000.000.000 đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết và tại phiên tòa Ngân hàng xác định Công ty chỉ còn nợ vốn gốc 2.020.000.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện Công ty trả 980.000.000 đồng.

[7] Đối với việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty trả 980.000.000 đồng, (vì đã thanh toán). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút.

[8] Về yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp, xét thấy, các Hợp đồng thế chấp thực hiện đúng quy định của luật về đăng ký thế chấp, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 27A/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 01/4/2015.

Duy trì một phần tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC ngày 30/3/2015 đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005, được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 02/4/2015, để đảm bảo thi hành án.

Không duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 16599m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BU 762309, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04334 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/7/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC ngày 30/3/2015, vì đã giải chấp xong.

Duy trì một phần tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC ngày 30/3/2015 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 31/3/2015, Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/4/2015, gồm 04 xe ô tô có Giấy đăng ký xe ô tô, số 001454 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/6/2010, mang tên Công ty TNHH TM&XD T; Giấy đăng ký xe ô tô, số 001056 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 16/4/2010, mang tên Công ty TNHH TM&XD T; Giấy đăng ký xe ô tô, số 003869, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2011, mang tên Công ty TNHH MTV TM và XD T; Giấy đăng ký xe ô tô, số 002749, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 05/7/2008, mang tên Công ty TNHH MTV TM và XD T, để đảm bảo thi hành án.

Riêng đối với xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô, số 004564 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 18/5/2009, mang tên Công ty TNHH TM&XD T và ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô, số 003135, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 15/9/2008, mang tên Công ty TNHH MTV TM và XD T, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai cùng ngày 17/7/2017 và lời trình bày của đại diện Ngân hàng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa đều khẳng định 02 chiếc xe trên Công ty T ủy quyền cho ông A bán cho bà C, bà C đã bán phế liệu hiện nay không còn.

Lời trình bày này phù hợp với lời xác nhận của ông A, bà C trong quá trình tố tụng và còn phù hợp với nội dung, hiện trạng được thể hiện tại Biên bản thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp với sự có mặt của đại diện chính quyền địa phương, Ngân hàng và bà C.

Do đó, nếu chấp nhận duy trì tài sản thế chấp là xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 004564 và xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003135 khi 02 xe này thực tế không còn hiện hữu, như yêu cầu của Ngân hàng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là không khả thi, bản án có hiệu lực không thể thi hành trong giai đoạn thi hành án.

Từ những phân tích, viện dẫn nêu trên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận duy trì tài sản thế chấp đối với xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 004564 và xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003135.

[9] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, do đó Công ty T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng là 1.205.000 đồng.

[10] Về án phí: Công ty T phải chịu 85.183.000 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N được nhận lại 37.033.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018734, ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228; khoản 1, 2 Điều 244; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T. Buộc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N 2.659.146.132 đồng. Trong đó: Nợ gốc 2.020.000.000 đồng; Nợ lãi 639.146.132 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T trả 980.000.000 đồng (vì đã thanh toán).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T về yêu cầu duy trì tài sản thế chấp.

4.1. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 27A/HĐTC ngày 30/3/2015, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4.2. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 598,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AC 652202, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00399 aF do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC ngày 30/3/2015, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4.3. Không duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 16599m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BU 762309, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04334 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/7/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 27B/HĐTC ngày 30/3/2015.

4.4. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC ngày 30/3/2015, đối với 04 xe ô tô có Giấy đăng ký xe ô tô, số 001454 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/6/2010, mang tên Công ty TNHH TM&XD T; Giấy đăng ký xe ô tô, số 001056 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 16/4/2010, mang tên Công ty TNHH TM&XD T; Giấy đăng ký xe ô tô, số 003869, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2011, mang tên Công ty TNHH MTV TM và XD T; Giấy đăng ký xe ô tô, số 002749, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 05/7/2008, mang tên Công ty TNHH MTV TM và XD T, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4.5. Không duy trì tài sản thế chấp là xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 004564, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 18/5/2009, mang tên Công ty TNHH TM&XD T và xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003135, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 15/9/2008, mang tên Công ty TNHH MTV TM và XD T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 27C/HĐTC ngày 30/3/2015.

5. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng là 1.205.000 đồng.

6. Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm:

6.1. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T phải chịu 85.183.000 đồng án phí.

6.2. Ngân hàng N được nhận lại 37.033.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018734, ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa